

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

Operation efficiency of people's credit funds in Tien Giang province

Nguyễn Thanh Giang¹

¹Học viên cao học Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam
nguyenthanhgiang0303@gmail.com

Tóm tắt — Trong thời gian qua, hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã đạt được những kết quả đáng kể. Bên cạnh đó vẫn còn bộc lộ những mặt hạn chế tồn tại như: trình độ quản trị, điều hành và tác nghiệp còn thấp. Vì vậy, nghiên cứu phân tích thực trạng và đề ra giải pháp về năng lực tài chính, về năng lực quản trị, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Abstract — In recent years, the activities of people's credit funds in Tien Giang province have achieved remarkable results. But besides that, there are still shortcomings such as low level of management, administration and operation. Therefore, the study analyzes the current situation and proposes solutions on financial capacity, management and operating options, etc., in order to improve the operational efficiency of people's credit funds in Tien Giang province.

Từ khóa — Quỹ tín dụng nhân dân, hiệu quả, Tiền Giang, people's credit funds, efficiency.

1. Đặt vấn đề

Hệ thống các Quỹ tín dụng (QTD) nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã và đang khai thác được nguồn vốn tại chỗ và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, góp phần cải thiện đời sống của các thành viên và thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, góp phần hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở địa bàn nông thôn. Bên cạnh đó, hoạt động của các QTD cũng phát sinh nhiều khó khăn, yếu kém cần khắc phục như: hiệu quả hoạt động chưa cao, năng lực tài chính và quy mô hoạt động khiêm tốn, năng lực quản lý, điều hành còn nhiều bất cập dẫn đến hoạt động QTD vi phạm các nguyên tắc, chế độ, thể lệ về tín dụng, hạch toán kế toán, cơ chế chính sách, môi trường pháp lý chưa đồng bộ, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ của các quỹ còn hạn chế.

Sự yếu kém, tồn tại nêu trên, không chỉ do nội tại QTD mà nhiều địa phương chưa thấy hết vai trò của QTD trong việc góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó, việc phát triển QTD chưa chú trọng đến yếu tố hiệu quả, chưa tương xứng với nhu cầu, tiềm năng tăng trưởng của địa bàn, cũng như phù hợp với xu thế thay đổi của thị trường.

Xuất phát từ thực tế trên, việc phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động, tìm ra nguyên nhân, tồn tại trong hoạt động các QTD nhằm đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động của các QTD trên địa bàn tỉnh Tiền Giang là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Cơ sở lý thuyết

Theo Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 giải thích: “Quỹ tín dụng là tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống”.

Theo Nghị định 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của QTD khái niệm như sau: “Quỹ tín dụng là loại hình tổ chức tín dụng hợp tác, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, thực hiện mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên, nhằm phát huy sức mạnh của tập thể và của từng

thành viên, giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống. Hoạt động của QTD là phải đảm bảo bù đắp chi phí và có tích lũy để phát triển”.

Hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính là một phạm trù kinh tế, phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực đã có để đạt được kết quả cao nhất với tổng chi phí nhỏ nhất.

Hiệu quả hoạt động của các tổ chức tài chính phải được xem xét một cách toàn diện cả về mặt thời gian và không gian trong mối quan hệ với hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế. Hiệu quả hoạt động của các tổ chức tài chính có thể chia thành: hiệu quả đối với nền kinh tế - xã hội, hiệu quả đối với bản thân các tổ chức tài chính, hiệu quả trước mắt, hiệu quả lâu dài,...

Theo Nguyễn Đăng Dờn (2014), các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm: Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời, nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động, nhóm chỉ tiêu phản ánh rủi ro tài chính.

Theo Đoàn Thị Hồng (2017), hoạt động QTD góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của thành viên thông qua việc tư vấn, hướng dẫn, định hướng xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh.

Theo Nguyễn Đức Nghị (2018), từ việc phân tích thực trạng chất lượng tín dụng của các QTD trên địa bàn tỉnh Tiền Giang để ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng nhằm giúp cho hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân được an toàn và hiệu quả hơn.

Theo Nguyễn Văn Nhứt (2018), phân tích thực trạng hoạt động quản lý nhà nước đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Từ đó, đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước của Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đối với các Quỹ tín dụng nhân dân.

3. Thực trạng hiệu quả hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2019 – 2021

3.1. Hoạt động quản trị, điều hành

Bộ máy hoạt động của các QTD trên địa bàn dần được hoàn thiện. Các QTD ngày càng quan tâm hơn đến việc đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên, thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, đào tạo nghiệp vụ do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh phối hợp với Trường Đại học Ngân hàng và Hiệp hội QTD tổ chức. Đến cuối năm 2021, có 16/16 QTD bảo đảm nhân sự đạt chuẩn về trình độ theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Công tác phát triển thành viên luôn được các QTD quan tâm. Số lượng thành viên tham gia QTD có dấu hiệu tăng dần trở lại sau giai đoạn giảm mạnh (giai đoạn 2015 - 2018) khi các QTD thực hiện sàng lọc và thực hiện chấm dứt tư cách thành viên đối với:

- Thành viên đã lâu không còn đóng góp vào hoạt động của QTD theo chỉ đạo của Giám đốc NHNN tỉnh;
- Thực hiện chuyển tiếp về việc thu hẹp địa bàn hoạt động không đúng quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-NHNN (thu hồi địa bàn hoạt động, chấm dứt tư cách thành viên), hoặc chấm dứt tư cách thành viên đối với những thành viên không thực hiện góp vốn thường niên theo quy định.

Bên cạnh đó hoạt động quản trị điều hành vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như:

- Việc tuyển dụng nhân sự của nhiều QTD tập trung lựa chọn người thân trong gia đình của người có chức quyền trong QTD, cơ cấu nhân sự của hội đồng quản trị ít thành viên nên tiềm ẩn nguy cơ lợi ích nhóm trong hoạt động kinh doanh.

- Các QTD chưa chú trọng vào sự độc lập của ban kiểm soát với ban điều hành và hội đồng quản trị mà xem bộ phận kiểm soát này giống như một bộ phận nghiệp vụ bình thường; chưa

nhận ra được tầm quan trọng của ban kiểm soát là kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của QTD về việc tuân thủ pháp luật, quy chế, quy trình nghiệp vụ hoạt động của QTD.

- Hoạt động của ban kiểm soát chủ yếu do Trưởng ban hoặc kiểm soát viên chuyên trách thực hiện, các thành viên khác chủ yếu được đưa vào để đảm bảo đáp ứng số lượng theo quy định. Vì vậy, chất lượng hoạt động ban kiểm soát của QTD trên địa bàn còn nhiều hạn chế.

3.2. Tình hình hoạt động

Nguồn vốn hoạt động của QTD tương đối đơn giản được hình thành từ các nguồn sau: Vốn điều lệ, vốn huy động, vốn vay và vốn khác. Đến cuối năm 2021 tổng nguồn vốn của các QTD trên địa bàn tỉnh đạt 1.255,2 tỷ đồng tăng 10,9% so năm 2020 (chủ yếu tăng từ vốn huy động dân cư).

Nguồn vốn huy động tăng góp phần vào ổn định và phát triển nguồn vốn hoạt động từ đó tăng mức dư nợ cho vay, góp phần rất lớn vào việc đảm bảo hoạt động của QTD được an toàn cũng như đáp ứng các nhu cầu chi trả.

Với việc tự chủ được nguồn vốn hoạt động từ thành viên và dân cư, các QTD đã phần nào ít phụ thuộc vào nguồn vốn vay tại Ngân hàng Hợp tác xã (năm 2021, vốn vay Ngân hàng Hợp tác xã chiếm 1,9% tổng nguồn vốn, giảm 1,5 điểm % so năm 2020).

Bảng 1. Tổng hợp tình hình hoạt động các quỹ tín dụng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số lượng thành viên (người)	19.769	20.491	20.752
Nguồn vốn hoạt động (tỷ đồng)	900,9	1.131,6	1.255,2
- Vốn chủ sở hữu	26,5	31,8	33,5
- Vốn huy động dân cư	762,2	979,5	1.106,8
- Vốn vay Ngân hàng hợp tác xã	56,7	38,9	23,6
- Vốn khác	55,5	81,5	91,2
Dư nợ cho vay (tỷ đồng)	674,8	851,3	877,9
Trong đó: Nợ xấu (tỷ đồng)	1,98	2,62	3,54
Chênh lệch TN-CP (tỷ đồng)	15,4	16,7	14,2

Nguồn: Tổng hợp từ NHNN Chi nhánh tỉnh Tiền Giang

Hoạt động cho vay của các QTD rất quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu về phát triển kinh tế hộ, kinh tế nhỏ lẻ của một bộ phận nhân dân (đặc biệt là ở địa bàn nông thôn, vùng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn), góp phần vào phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, nâng cao đời sống người dân.

Các QTD ngày càng quan tâm đến nhu cầu của khách hàng nên đã đa dạng hóa các sản phẩm cho vay để phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp như khai thác thủy sản, chăn nuôi bò sữa, các mô hình kinh tế vườn,... nên tỷ trọng cho vay trung, dài hạn ngày càng tăng qua các năm. Trong năm 2021 các QTD đã giải quyết cho 10.484 lượt thành viên vay vốn. Tổng doanh số cho vay đạt 1.029,2 tỷ đồng, bình quân đạt 98,2 triệu đồng/1 món vay.

Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn của các QTD trên địa bàn luôn ở mức thấp so với mặt bằng chung của các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu tại các QTD có chiều hướng gia tăng qua các năm nhưng vẫn nằm trong giới hạn an toàn cho phép của NHNN (dưới 3%). Nợ xấu tăng một phần do kinh tế khó khăn, bệnh dịch, thiên tai gây ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của thành viên vay vốn.

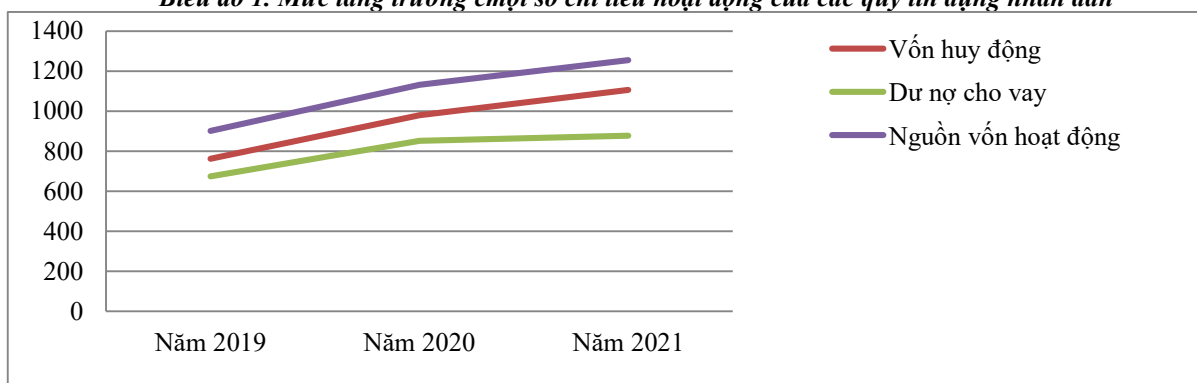
Việc xử lý thu hồi nợ xấu gặp nhiều khó khăn do định giá tài sản đảm bảo cao hơn mức giá quy định của ủy ban nhân dân tỉnh nên khi bán đấu giá tài sản cao so với thực tế nên không có người mua; Cơ quan thi hành án cho phép người phải thi hành án được lựa chọn tài sản đưa ra bán đấu giá nên khách hàng vay vốn chọn tài sản tọa lạc trong vùng sâu không có đường đi nên rất khó tìm được người mua trong khi đó tài sản tại các vị trí mặt tiền lại không đưa ra bán;

Việc thông báo bán đấu giá tài sản thường được công bố trên Báo Ấp Bắc ở địa phương nên việc công bố thông tin chưa nhiều người biết đến, vì vậy ít có người mua.

Tuy với quy mô nhỏ so với các TCTD khác song các QTD có nhiều cố gắng trong hoạt động, từng bước khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế.

Tùy thuộc vào thời kỳ hoạt động cụ thể mà kết quả hoạt động có lúc tăng, lúc giảm, nhưng về cơ bản các QTD trên địa bàn tỉnh Tiền Giang bước đầu đã đảm bảo một cách cơ bản trong hoạt động của quỹ là vừa hỗ trợ thành viên vừa lấy thu bù chi, đảm bảo có tích lũy để phát triển, khẳng định tính hiệu quả trong hoạt động của mình thời gian qua.

Biểu đồ 1. Mức tăng trưởng một số chỉ tiêu hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân



Nguồn: Quỹ tín dụng nhân dân tỉnh Tiền Giang

Hoạt động các QTD trên địa bàn tỉnh Tiền Giang luôn chấp hành tốt các quy định về đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động theo quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Các QTD trên địa bàn tỉnh luôn trong tình trạng thừa vốn, tỷ lệ dự nợ cho vay/vốn huy động giảm dần về mức thấp hơn 80% vào năm 2021.

Hiệu suất sử dụng vốn của hệ thống đang có sự thay đổi theo xu hướng giảm dần trong giai đoạn nghiên cứu là phù hợp với thực tế, điều này góp phần đáp ứng các nhu cầu chi trả, đảm bảo an toàn trong hoạt động của QTD.

3.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động

Tỷ lệ thu lãi biên ròng (NIM): Nguồn thu lớn nhất của các QTD nhân dân chính là chênh lệch giữa thu về lãi và chi về lãi, tuy nhiên dưới sức ép cạnh tranh giữa các NHTM trên địa bàn. Sự kêu gọi giảm lãi suất của NHNN tỉnh chung tay phát triển kinh tế địa phương góp phần xây dựng nông thôn mới làm xu hướng biên độ lãi suất giảm dần đến thu nhập từ các dịch vụ truyền thống là huy động và cho vay sẽ giảm xuống.

Do tỷ lệ huy động vốn của các QTD nhân dân tăng liên tục qua các năm trong khi tỷ lệ cho vay tăng thấp hơn huy động vốn làm cho nguồn vốn ứ đọng phải gửi Ngân hàng Hợp tác xã với lãi suất chỉ bằng hoặc thấp hơn lãi suất trả cho khách hàng gây ảnh hưởng đến thu nhập lãi.

Lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) và Lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) các QTD giảm qua các năm một phần do hoạt động các QTD chủ yếu mang tính chất tương trợ nên lợi nhuận thường không cao. Quy mô các QTD ngày càng mở rộng (tăng tổng tài sản), việc tăng trưởng vốn chủ sở hữu để tạo tiền đề cho tăng trưởng nên phần nào ảnh hưởng đến các chỉ số ROE và ROA.

Lợi nhuận ròng trên doanh thu (ROS): Mặc dù hoạt động với mục tiêu chính là tương trợ thành viên nhưng hoạt động của mô hình QTD vẫn phải đảm bảo mang lại nguồn thu nhập đủ bù đắp chi phí, có lợi nhuận để duy trì hoạt động, có tích lũy và có lợi nhuận để chi trả tiền lãi cổ phần cho thành viên.

4. Kết quả đạt được và hạn chế trong hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

4.1. Kết quả đạt được

Hoạt động của các QTD trên địa bàn góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần hoàn thành xây dựng nông thôn mới tại địa phương, nâng cao đời sống của cộng đồng dân cư; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; góp phần nâng cao hiểu biết về hoạt động của mô hình kinh tế hợp tác xã ở lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn nông thôn; góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong nhân dân, thúc đẩy tiết kiệm, phân phối vốn kịp thời.

Hệ thống QTD đã xây dựng cơ cấu tổ chức đáp ứng quy định của NHNN, đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp, trẻ hóa dần... và tạo dựng được một phần cơ sở vật chất bước đầu đáp ứng yêu cầu hoạt động.

Các QTD luôn nhận được sự đồng tình của đoàn thể đặc biệt chính quyền địa phương, góp phần củng cố lòng tin vào mô hình hợp tác xã kiểu mới. Kết quả đạt được của hơn 20 năm hoạt động QTD nhân dân trên địa bàn Tiền Giang khẳng định sự phù hợp với chủ trương phát triển tam nông “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

4.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của QTD vẫn tồn tại những hạn chế như sau:

Một là, hoạt động của các QTD còn khá đơn điệu chủ yếu là thực hiện việc huy động vốn và cho vay nên đã hạn chế đến kết quả hoạt động. Ngoài ra, do chậm đổi mới trong cách nghĩ, cách làm nên việc huy động vốn và cho vay của một số Quỹ cũng thiếu năng động.

Hai là, về trình độ quản trị, điều hành và tác nghiệp tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, việc đưa ra quyết định còn mang tính chủ quan của các cá nhân lãnh đạo, chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ. Mặc dù công tác đào tạo rất được quan tâm nhưng trình độ của đội ngũ cán bộ QTD vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, thiếu nghiên cứu, thực hiện theo nề nếp cũ, lối mòn, chưa chú trọng đầu tư và ứng dụng công nghệ vào hoạt động.

Ba là, cơ sở vật chất còn hạn chế hầu hết các QTD thiếu đồng bộ, khó khăn trong việc đáp ứng được yêu cầu phát triển, đa số các QTD đều có trụ sở làm việc riêng song cơ sở vật chất chưa được khang trang, cơ sở còn chật hẹp, trang thiết bị lạc hậu hoặc chưa đầy đủ nên phần nào ảnh hưởng đến công tác huy động vốn tiền gửi.

Nguyên nhân của các hạn chế nêu trên chủ yếu đến từ việc thiếu các cơ chế hỗ trợ đối với loại hình kinh tế hợp tác như ưu đãi về thuế, đất đai, lãi suất.

Nhà nước cần có chính sách ưu đãi tạo điều kiện cho các QTD phát triển, như: Về chính sách giao đất, chính sách ưu đãi về thuế nói chung, và chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng. Ngoài ra, vẫn còn có sự chồng chéo cơ chế hoạt động giữa thanh tra chi nhánh với việc kiểm tra, giám sát của bảo hiểm tiền gửi đối với QTD.

Về chính sách tiền tệ, thời gian qua chính sách này có nhiều thay đổi trong điều kiện chống lạm phát, thắt chặt tiền tệ, rồi chống suy thoái kinh tế lãi suất tăng, giảm liên tục kết hợp với việc quy mô và uy tín các QTD còn hạn chế so với các NHTM nên bị động hoàn toàn trong hoạt động huy động vốn và cho vay thành viên của mình.

5. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

5.1. Về năng lực tài chính

Các QTD nhân dân cần có kế hoạch, chính sách cụ thể hơn trong thu hút nguồn vốn từ thành viên và cộng đồng dân cư nhằm củng cố, nâng cao năng lực tài chính, tự chủ về nguồn vốn hoạt động, đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn của thành viên.

Nâng cao tin thần làm chủ của thành viên, có ưu đãi nhất định về lãi suất, về chi phí sử dụng dịch vụ của QTD đối với các thành viên có nhiều đóng góp vào hoạt động của QTD nhằm động viên và thu hút các thành viên khác tham gia.

Tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá rộng rãi, vận động người dân, thành viên về các sản phẩm, dịch vụ của QTD; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn hiệu quả như tiết kiệm hưu trí, tiết kiệm tiêu dùng, tiết kiệm an dưỡng tuổi già và áp dụng kỷ hạn huy động phù hợp của thành viên tham gia.

Thường xuyên bám sát sát tình hình biến động thị trường, dự báo xu hướng biến động để đưa ra các hình thức huy động vốn; đa dạng hóa các sản phẩm cho vay phù hợp với đặc điểm kinh tế địa phương, định hướng của nhà nước nhằm tạo môi trường phát triển kinh tế bền vững, góp phần nâng cao thu nhập người dân.

5.2. Về năng lực quản trị điều hành

Tăng cường tính chuyên nghiệp, dân chủ trong hoạt động quản trị và điều hành. Có chính sách đãi ngộ tốt nhằm thu hút người có tâm, có tầm và có chuyên môn vào làm việc tại QTD.

Ban hành đầy đủ các quy trình, quy chế tối thiểu theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật khác có liên quan; nội dung các quy trình, quy chế phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đáp ứng nhu cầu quản trị, điều hành và hoạt động của QTD;

Cần có các chính sách tín dụng phù hợp, ban hành quy chế cho vay nội bộ đầy đủ nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, tạo nguồn thu ổn định và bền vững góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của QTD.

Phát triển mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng hiện đại, hướng đến khách hàng và sản phẩm dịch vụ. Nâng cao vị thế, vai trò của Ban kiểm soát nội bộ trong việc thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra toàn bộ hoạt động của hội đồng quản trị, Ban Điều hành nhằm đảm bảo cho QTD hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ, nghị quyết của đại hội thành viên và hội đồng quản trị.

Nâng cao năng lực cán bộ chuyên môn nghiệp vụ đặc biệt là cán bộ thẩm định tín dụng, cần bố trí cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất đạo đức, kinh nghiệm trong công tác thẩm định, thường xuyên tổ chức các buổi thảo luận về công tác thẩm định, cập nhật và xử lý thông tin về khách hàng để đánh giá khả năng, uy tín và năng lực của khách hàng; Cán bộ nghiệp vụ phải được chuyên môn hóa cao, có chế độ ưu tiên đãi ngộ, tiền lương thưởng hợp lý để họ yên tâm làm việc.

5.3. Một số giải pháp khác

Chủ động phối hợp với các cơ quan pháp luật như tòa án, cơ quan thi hành án để nhanh chóng xử lý các món nợ xấu; tranh thủ sự hỗ trợ của ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi khách hàng cư trú trong hoạt động kiểm tra, giám sát sau vay (thông qua các hội, đoàn thể, trưởng các tổ, khu phố, ấp...) nhằm kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các phát sinh, rủi ro có thể xảy ra vì đây là những người sát sao với nhân dân.

Luôn cập nhật mới các thông tin liên quan đến hoạt động tài chính ngân hàng, có kế hoạch cụ thể để đối phó với những tình huống xấu xảy ra, chủ động trong công tác quản trị điều hành, tránh tình trạng ỷ lại cấp trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ (2001). *Nghị định số 48/2001/NĐ-CP Về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân cơ sở*.
- [2] Đoàn Thị Hồng (2017). *Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ*, Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An.
- [3] Nguyễn Đăng Dòn (2014). *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Kinh tế.
- [4] Nguyễn Đăng Dòn (2016). *Quản trị ngân hàng*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Kinh tế.
- [5] Ngân hàng Nhà nước (2016). *Thông tư 39/2016/NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*.
- [6] Ngân hàng Nhà nước (2017). *Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 10/01/2017 về tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống các TCTD; tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu*.
- [7] Ngân hàng Nhà nước (2017). *Công văn số 679/NHNN ngày 27/7/2017 về việc triển khai Đề án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 đối với QTDND*.
- [8] Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh Tiền Giang (2021). *Báo cáo tổng kết hoạt động quỹ tín dụng nhân dân giai đoạn 2019 - 2021*.
- [9] Quốc hội (2012). *Luật số 47/2010/QH12 Luật các tổ chức tín dụng ban hành ngày 16/6/2010*.
- [10] Trần Thanh Long (2017). Nâng cao hiệu quả phát triển tín dụng đối với hộ gia đình nông thôn qua hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân tại Việt Nam. *Tạp chí khoa học và đào tạo Ngân hàng* (số 176 + 177 tháng 1&2/2017), tr. 80-86.

Ngày nhận: 06/01/2023

Ngày phản biện: 24/8/2023

Ngày duyệt đăng: 29/8/2023